

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 30/06/2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Căng Đoạn Xá (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07/06/2015
Ông Vũ Tuấn Dương	Chủ tịch	Từ nhiệm chức danh Chủ tịch và là thành viên từ ngày 07/06/2015
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21/07/2015
Ông Vũ Hữu Chinh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên	
Ông Hoàng Văn Chung	Thành viên	
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên	
Ông Trần Đăng Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/06/2015
Ông Lâm Ngọc Uyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/07/2015

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

---

**Vũ Tuấn Dương**  
**Tổng Giám đốc**

*Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2015*

Số. /VACO HP/BCKT

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12 tháng 08 năm 2015, từ trang 5 đến trang 26. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

---

**Lương Thị Thúy**  
**Phó Giám đốc Chi nhánh**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1148-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
**TẠI HẢI PHÒNG**  
*Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2015*

---

**Đỗ Bình Dương**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1953-2013-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015**

MẪU SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	-	<b>170.153.683.996</b>	<b>162.784.059.314</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>44.833.239.898</b>	<b>43.814.982.598</b>
1. Tiền	111	5	5.583.239.898	814.982.598
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.250.000.000	43.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>90.500.000.000</b>	<b>85.500.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		90.500.000.000	85.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>31.925.402.448</b>	<b>30.026.822.622</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	28.833.904.664	27.747.434.558
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.123.211.332	2.279.388.064
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(31.713.548)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>2.610.462.478</b>	<b>3.161.382.212</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.610.462.478	3.161.382.212
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>284.579.172</b>	<b>280.871.882</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		284.579.172	280.871.882
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>90.080.014.081</b>	<b>98.110.963.020</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.039.418.717</b>	<b>1.049.598.398</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.039.418.717	1.049.598.398
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>53.370.062.962</b>	<b>61.376.539.265</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	53.093.769.497	61.239.926.361
- Nguyên giá	222		270.883.502.377	270.828.902.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(217.789.732.880)	(209.588.976.016)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	276.293.465	136.612.904
- Nguyên giá	228		727.000.000	562.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(450.706.535)	(425.387.096)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>68.810.755</b>	<b>68.810.755</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		68.810.755	68.810.755
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>35.584.573.920</b>	<b>35.584.573.920</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	35.584.573.920	35.584.573.920
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.147.727</b>	<b>31.440.682</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		17.147.727	31.440.682
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>260.233.698.077</b>	<b>260.895.022.334</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015**

MÃ SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>32.072.945.927</b>	<b>21.027.447.788</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>32.072.945.927</b>	<b>21.027.447.788</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	11.368.386.575	6.005.953.118
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		147.834.925	94.504.425
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.868.362.523	3.954.225.479
4. Phải trả người lao động	314		9.084.123.817	6.793.232.976
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2.139.197.022	158.851.781
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	348.861.456	631.741.400
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.116.179.609	3.388.938.609
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>228.160.752.150</b>	<b>239.867.574.546</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>228.160.752.150</b>	<b>239.867.574.546</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		78.749.720.000	78.749.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		78.749.720.000	78.749.720.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.352.660.454	1.352.660.454
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		113.734.763.396	109.649.718.931
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.323.608.300	50.115.475.161
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421		10.180.542.696	50.115.475.161
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		24.143.065.604	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>260.233.698.077</b>	<b>260.895.022.334</b>

\_\_\_\_\_  
**Vũ Tuấn Dương**  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2015

\_\_\_\_\_  
**Mai Thị Yên Thế**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Hoàng Thị Hương**  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 02a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	20	<b>94.391.735.078</b>	<b>85.690.834.425</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	<b>10</b>		<b>94.391.735.078</b>	<b>85.690.834.425</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	21	61.508.140.614	57.805.674.600
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>32.883.594.464</b>	<b>27.885.159.825</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	6.354.807.963	6.149.134.676
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	9.017.226.104	7.339.239.258
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21) - (26)}</b>	<b>30</b>		<b>30.221.176.323</b>	<b>26.695.055.243</b>
9. Thu nhập khác	31		167.552.536	165.359.783
10. Chi phí khác	32		135.606.610	258.882.230
<b>11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>31.945.926</b>	<b>(93.522.447)</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>30.253.122.249</b>	<b>26.601.532.796</b>
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	6.110.056.645	5.307.994.324
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>24.143.065.604</b>	<b>21.293.538.472</b>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.066	2.704

**Vũ Tuấn Dương**  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2015

**Mai Thị Yên Thế**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Thị Hương**  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 03a-DN  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>30.253.122.249</b>	<b>26.601.532.796</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.226.076.303	10.187.308.809
- Các khoản dự phòng	03	31.713.548	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.391.786)	(728.437)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.351.416.177)	(6.148.406.239)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>32.158.104.137</b>	<b>30.639.706.929</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.404.855.079)	3.709.349.354
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	550.919.734	(662.287.530)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.330.546.904	2.505.344.978
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10.585.665	(360.781.064)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.399.487.410)	(5.799.600.570)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.622.759.000)	(1.887.211.951)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>32.623.054.951</b>	<b>28.144.520.146</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(54.600.000)	(51.206.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	(2.000.000)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.000.000.000)	(15.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.000.000.000	10.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.938.157.563	3.668.288.059
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(118.442.437)</b>	<b>(1.582.918.305)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(31.487.747.000)	(27.562.846.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(31.487.747.000)</b>	<b>(27.562.846.250)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>1.016.865.514</b>	<b>(1.001.244.409)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>43.814.982.598</b>	<b>77.565.264.500</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.391.786	728.437
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>44.833.239.898</b>	<b>76.564.748.528</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 900.000.000 đồng, là số tiền cổ tức nhận được từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao thông qua hình thức bù trừ với công nợ phải trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng/giảm các khoản phải trả.

\_\_\_\_\_  
**Vũ Tuấn Dương**  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2015

\_\_\_\_\_  
**Mai Thị Yên Thế**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Hoàng Thị Hương**  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá là Công ty Cổ phần được cổ phần hoá từ Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá theo quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 0203000123 ngày 27/11/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, sửa đổi lần 2 ngày 11/06/2008, sửa đổi lần 3 ngày 21/06/2011 và được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827, sửa đổi lần 4 ngày 12/10/2011.

Vốn Điều lệ: 78.749.720.000 đồng và danh sách cổ đông lớn tại thời điểm cuối kỳ gần nhất (ngày 29/05/2015) như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên cá nhân/tổ chức</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Giá trị vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ</b>
		Cổ phiếu	VND	%
1	Ông Hoàng Văn Quang	1.900.000	19.000.000.000	24,13%
2	Ông Trần Việt Hùng	1.900.000	19.000.000.000	24,13%
3	Erikoissijoitusr Ahasto Elite	759.950	7.599.500.000	9,65%
4	Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	648.500	6.485.000.000	8,23%
5	Cổ đông khác	2.666.522	26.665.220.000	33,86%
	<b>Cộng</b>	<b>7.874.972</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>100%</b>

Công ty có 02 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải đa phương thức, được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011;
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Xếp dỡ và Giao nhận, được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 388 người (tại ngày 01/01/2015 là 410 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: bốc xếp hàng hoá; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hoá, dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hoá, dịch vụ nâng cầu hàng hoá, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển; kho bãi và lưu giữ hàng hoá; vận tải hành khách ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác - dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động chính của Công ty là: dịch vụ bốc xếp hàng hoá; kinh doanh kho bãi; vận tải và dịch vụ vận tải; đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, trong sổ dự hàng tồn kho đến ngày 30/06/2015 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 13
Máy móc, thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 3 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MÃU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông. Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MÃU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	364.149.871	113.776.971
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.219.090.027	701.205.627
<b>Cộng</b>	<b><u>5.583.239.898</u></b>	<b><u>814.982.598</u></b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng	90.500.000.000	85.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>90.500.000.000</u></b>	<b><u>85.500.000.000</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>28.833.904.664</b>	<b>27.747.434.558</b>
CTCP Thương mại và Vận tải biển Đại Tây Dương	7.115.392.167	4.955.938.958
CTCP vận tải biển Việt Nam	6.995.767.592	4.668.174.425
Công ty Cổ phần hàng hải VSICO	5.224.950.121	3.772.972.067
Công ty Vận tải biển Container Vinalines	5.191.689.007	8.797.876.364
Đối tượng khác	4.306.105.777	5.552.472.744
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>28.833.904.664</b>	<b>27.747.434.558</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>3.123.211.332</b>	<b>2.279.388.064</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	2.211.614.170	1.696.355.556
Thuế GTGT được khấu trừ	666.844.448	343.300.936
Tạm ứng của nhân viên	130.310.030	25.882.514
Phải thu khác	114.442.684	213.849.058
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>	<b>1.039.418.717</b>	<b>1.049.598.398</b>
Phải thu các cá nhân về bồi thường hàng hóa	1.039.418.717	1.049.598.398
<b>Cộng</b>	<b>4.162.630.049</b>	<b>3.328.986.462</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.300.876.796	2.803.986.530
Công cụ, dụng cụ	309.585.682	357.395.682
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>2.610.462.478</b>	<b>3.161.382.212</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn</b>	<b>2.610.462.478</b>	<b>3.161.382.212</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2015	56.671.515.510	7.905.014.477	204.570.179.459	1.682.192.931	270.828.902.377
Mua trong kỳ	-	-	-	54.600.000	54.600.000
Tại ngày 30/06/2015	56.671.515.510	7.905.014.477	204.570.179.459	1.736.792.931	270.883.502.377
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2015	55.951.291.272	3.476.314.827	149.042.310.161	1.119.059.756	209.588.976.016
Khấu hao trong kỳ	342.988.266	377.477.616	7.354.875.570	125.415.412	8.200.756.864
Tại ngày 30/06/2015	56.294.279.538	3.853.792.443	156.397.185.731	1.244.475.168	217.789.732.880
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2015	720.224.238	4.428.699.650	55.527.869.298	563.133.175	61.239.926.361
Tại ngày 30/06/2015	377.235.972	4.051.222.034	48.172.993.728	492.317.763	53.093.769.497

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2015 là 147.159.944.482 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 147.159.944.482 đồng).

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2015	562.000.000	562.000.000
- Mua trong kỳ	165.000.000	165.000.000
Tại ngày 30/06/2015	727.000.000	727.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2015	425.387.096	425.387.096
- Khấu hao trong kỳ	25.319.439	25.319.439
Tại ngày 30/06/2015	450.706.535	450.706.535
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2015	136.612.904	136.612.904
Tại ngày 30/06/2015	276.293.465	276.293.465

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 01/01/2015 và 30/6/2015 là 422.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
Dự án nâng cấp cải tạo bãi giai đoạn 2	68.810.755	68.810.755
<b>Cộng</b>	<b>68.810.755</b>	<b>68.810.755</b>

Dự án nâng cấp cải tạo bãi giai đoạn 2 bị tạm dừng từ năm 2008 do chưa chuẩn bị được mặt bằng phục vụ thi công.

**13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2015</b>		
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (a)	5.500.000.000	-	5.500.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng Hải (b)	3.000.000.000	-	3.000.000.000
- Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines (c)	5.000.000.000	-	5.000.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (d)	22.084.573.920	-	22.084.573.920
<b>Cộng</b>	<b>35.584.573.920</b>	<b>-</b>	<b>35.584.573.920</b>

(a) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ với giá trị 5.500.000.000 đồng tương đương với 1.100.000 cổ phần, chiếm 2,75% vốn Điều lệ.

(b) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng với giá trị 3.000.000.000 đồng tương đương với 300.000 cổ phần, chiếm 2,5% vốn điều lệ.

(c) Phản ánh khoản vốn góp vào Trường Cao Đẳng nghề Hàng Hải Vinalines với số tiền là 5.000.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ.

(d) Phản ánh khoản góp vốn theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp HĐCNVG06/2010/MHC/DXP ngày 24/12/2010. Theo đó, giá trị phần vốn sở hữu là 450.000 USD, tương đương với 15% vốn điều lệ.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>11.368.386.575</b>	<b>6.005.953.118</b>
CN Cty TNHHVT Hàng Công nghệ cao tại HP	5.961.486.792	2.500.066.190
CTCP Công trình Giao thông Hải Phòng	979.760.000	-
Phải trả khác	4.427.139.783	3.505.886.928
<b>b) Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>11.368.386.575</b>	<b>6.005.953.118</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>01/01/2015</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã nộp trong kỳ</b>	<b>30/06/2015</b>
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Thuế phải nộp</i></b>				
Thuế giá trị gia tăng	968.746.213	6.666.653.072	6.678.358.464	957.040.821
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.849.210.437	6.110.056.645	6.399.487.410	2.559.779.672
Thuế thu nhập cá nhân	98.743.829	919.090.142	666.291.941	351.542.030
Thuế đất phi nông nghiệp	-	95.770.000	95.770.000	-
Tiền thuê đất	-	1.581.279.000	1.581.279.000	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
<b><i>Các khoản phải trả khác</i></b>				
Các khoản phí và lệ phí	37.525.000	-	37.525.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.954.225.479</b>	<b>15.377.848.859</b>	<b>15.463.711.815</b>	<b>3.868.362.523</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
<b><i>a) Ngắn hạn</i></b>	<b>2.139.197.022</b>	<b>158.851.781</b>
Trích trước chi phí sửa chữa trong kỳ (*)	1.935.054.720	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả	204.142.302	158.851.781
<b><i>b) Dài hạn</i></b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.139.197.022</b>	<b>158.851.781</b>

(\*) Công ty trích trước chi phí theo Kế hoạch sửa chữa số 01/KT-CN ngày 05/12/2014 của Công ty.

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	181.963.936	225.748.626
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	166.897.520	405.992.774
<b>Cộng</b>	<b>348.861.456</b>	<b>631.741.400</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>79.552.032.473</b>	<b>7.874.972.000</b>	<b>64.317.740.387</b>	<b>231.847.125.314</b>
Trích lập các quỹ	-	-	22.222.714.458	-	(26.572.714.458)	(4.350.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(27.562.402.000)	(27.562.402.000)
Lãi trong năm	-	-	-	-	39.934.932.465	39.934.932.465
Giảm khác	-	-	-	-	(2.081.233)	(2.081.233)
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>101.774.746.931</b>	<b>7.874.972.000</b>	<b>50.115.475.161</b>	<b>239.867.574.546</b>
Trình bày lại (*)	-	-	7.874.972.000	(7.874.972.000)	-	-
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>109.649.718.931</b>	<b>-</b>	<b>50.115.475.161</b>	<b>239.867.574.546</b>
Chia cổ tức năm 2014 (**)	-	-	-	-	(31.499.888.000)	(31.499.888.000)
Trích lập các quỹ (**)	-	-	4.085.044.465	-	(8.435.044.465)	(4.350.000.000)
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	24.143.065.604	24.143.065.604
<b>Số dư tại ngày 30/06/2015</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>113.734.763.396</b>	<b>-</b>	<b>34.323.608.300</b>	<b>228.160.752.150</b>

(\*) Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, Công ty đã trình bày lại số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển.

(\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/NQ-ĐHCD ngày 27/04/2015, Đại hội thông qua phương án phân chia lợi nhuận như sau: Chia cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt với tỷ lệ 40% vốn Điều lệ bằng tiền mặt tương đương với 31.499.888.000 đồng; trích quỹ Đầu tư phát triển 4.085.044.465 đồng; trích Quỹ thưởng Ban điều hành 350.000.000 đồng; trích quỹ khen thưởng 2.500.000.000 đồng, trích quỹ phúc lợi 1.500.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 78.749.720.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm lập báo cáo như sau:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Tại 29/05/2015 (*)		Tại 01/01/2015	
		Giá trị vốn góp	Tỷ lệ	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
		VND	%	VND	%
1	Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	-	-	40.162.350.000	51,00%
2	Ông Hoàng Văn Quang	19.000.000.000	24,13%	-	0,00%
3	Ông Trần Việt Hùng	19.000.000.000	24,13%	-	0,00%
4	Các cổ đông khác	40.749.720.000	51,75%	38.587.370.000	49,00%
	<b>Cộng</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>100%</b>	<b>78.749.720.000</b>	<b>100%</b>

(\*) Theo số liệu chốt danh sách cổ đông gần thời điểm lập báo cáo tài chính nhất tại ngày 29/05/2015 do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	78.749.720.000	78.749.720.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	78.749.720.000	78.749.720.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	31.499.888.000	27.562.402.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.874.972	7.874.972
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.874.972	7.874.972
- Cổ phiếu phổ thông	7.874.972	7.874.972
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.874.972	7.874.972
- Cổ phiếu phổ thông	7.874.972	7.874.972
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2015	01/01/2015
a. Ngoại tệ tại các ngân hàng (USD)	3.319,32	3.317,63
b. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.635.875	2.635.875

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014</b>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.391.735.078	85.690.834.425
<b>Cộng</b>	<b>94.391.735.078</b>	<b>85.690.834.425</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014</b>
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	61.508.140.614	57.805.674.600
<b>Cộng</b>	<b>61.508.140.614</b>	<b>57.805.674.600</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.803.416.177	3.348.406.239
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	2.550.000.000	2.800.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.391.786	728.437
<b>Cộng</b>	<b>6.354.807.963</b>	<b>6.149.134.676</b>

(\*) Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty nhận được cổ tức đợt 2 năm 2014 từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ là 1.650.000.000 đồng và lợi nhuận năm 2014 từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao là 900.000.000 đồng.

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014</b>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.568.183.480	4.123.915.509
Chi phí nhiên liệu, vật liệu quản lý	182.234.091	340.647.984
Chi phí đồ dùng văn phòng	68.597.138	43.593.364
Chi phí khấu hao TSCĐ	223.367.929	272.097.155
Thuế, phí và lệ phí	1.682.049.000	800.770.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	297.449.753	258.358.433
Chi phí dự phòng	31.713.548	-
Các khoản chi phí QLDN khác	1.963.631.165	1.499.856.813
<b>Cộng</b>	<b>9.017.226.104</b>	<b>7.339.239.258</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014</b>
<b>Thuế TNDN phải nộp cho năm hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>30.253.122.249</b>	<b>26.601.532.796</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(2.480.137.500)</b>	<b>(2.474.285.871)</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.550.000.000)	(2.800.000.000)
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	69.862.500	325.714.129
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>27.772.984.749</b>	<b>24.127.246.925</b>
Thuế suất thông thường	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.110.056.645</b>	<b>5.307.994.324</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014</b>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.908.464.605	12.701.001.807
Chi phí nhân công	25.836.908.379	22.598.793.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.226.076.303	10.187.308.809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.440.935.644	17.038.314.959
Chi phí khác bằng tiền	4.112.981.787	2.619.494.963
<b>Cộng</b>	<b>70.525.366.718</b>	<b>65.144.913.858</b>

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ bốc xếp hàng hoá tại Thành phố Hải Phòng.

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.833.239.898	43.814.982.598
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.964.821.165	31.076.421.020
Đầu tư tài chính ngắn hạn	90.500.000.000	85.500.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	35.584.573.920	35.584.573.920
<b>Tổng cộng</b>	<b>203.882.634.983</b>	<b>195.975.977.538</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	11.717.248.031	6.637.694.518
Chi phí phải trả	2.139.197.022	158.851.781
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.856.445.053</b>	<b>6.796.546.299</b>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) tuy nhiên các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm không đáng kể.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nhiên liệu, nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng thường xuyên và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại 30/06/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.833.239.898	-	44.833.239.898
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.925.402.448	1.039.418.717	32.964.821.165
Đầu tư tài chính ngắn hạn	90.500.000.000	-	90.500.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	35.584.573.920	35.584.573.920
<b>Tổng cộng</b>	<b>167.258.642.346</b>	<b>36.623.992.637</b>	<b>203.882.634.983</b>
<b>Tại 30/06/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	11.717.248.031	-	11.717.248.031
Chi phí phải trả	2.139.197.022	-	2.139.197.022
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.856.445.053</b>	<b>-</b>	<b>13.856.445.053</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>153.402.197.293</b>	<b>36.623.992.637</b>	<b>190.026.189.930</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.814.982.598	-	43.814.982.598
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.000.940.108	1.049.598.398	31.050.538.506
Đầu tư tài chính ngắn hạn	85.500.000.000	-	85.500.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	35.584.573.920	35.584.573.920
<b>Tổng cộng</b>	<b>159.315.922.706</b>	<b>36.634.172.318</b>	<b>195.950.095.024</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.637.694.518	-	6.637.694.518
Chi phí phải trả	158.851.781	-	158.851.781
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.796.546.299</b>	<b>-</b>	<b>6.796.546.299</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>152.519.376.407</b>	<b>36.634.172.318</b>	<b>189.153.548.725</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty.

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán. Riêng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ sử dụng số liệu so sánh của cùng kỳ năm trước đã được soát xét.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của năm 2014 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Cụ thể như sau:

STT	Số liệu tại 31/12/2014 đã kiểm toán		Số liệu tại 31/12/2014 trình bày lại		Số tiền (VND)	Chênh lệch (VND)	Ghi chú	
	Mã số	Khoản mục	Số tiền (VND)	Mã số				Khoản mục
1.	135	Các khoản phải thu khác	3.303.103.948	136	Phải thu ngắn hạn khác	2.279.388.064	(1.023.715.884)	(*)
3.	158	Tài sản ngắn hạn khác	25.882.514	-		-	(25.882.514)	(**)
2.			-	216	Phải thu dài hạn khác	1.049.598.398	1.049.598.398	(*)
4.	417	Quỹ đầu tư phát triển	101.774.746.931	418	Quỹ đầu tư phát triển	109.649.718.931	7.874.972.000	(***)
5.	418	Quỹ dự phòng tài chính	7.874.972.000	-		-	(7.874.972.000)	(***)

(\*) Số dư khoản mục 135 được trình bày tách thành số dư khoản mục 136 và 216 do tách khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn.

(\*\*) Số dư khoản mục 158 được trình bày gộp vào số dư khoản mục 136 theo Thông tư 200.

(\*\*\*) Số dư khoản mục 417 và 418 được trình bày gộp vào số dư khoản mục 418 theo Thông tư 200.

**Vũ Tuấn Dương**  
**Tổng Giám đốc**  
Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2015

**Mai Thị Yên Thế**  
**Kế toán trưởng**

**Hoàng Thị Hương**  
**Người lập**